

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2010	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu, tiền thân là Công ty TNHH Điện – Điện tử - Tin học Sao Bắc Đầu, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh lần đầu số 4013002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó, với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 12 năm 2007.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở được đặt tại Lô U12b-16a, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31/12/2010, Công ty có đầu tư vào 2 công ty con.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Hoàng Hải Thịnh	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hùng Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Phong	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

Số: 11.150/BCKTHN-2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các thành viên Hội Đồng Quản Trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 4 đến trang 25 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi. Ý kiến của chúng tôi, trong chừng mực có liên quan đến số liệu của công ty trên, được căn cứ hoàn toàn vào báo cáo của các kiểm toán viên khác.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán và báo cáo của các kiểm toán viên khác đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2011



LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGÔ THANH BÌNH
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		221.975.111.169	204.371.451.033
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	11.654.041.315	17.667.411.070
1. Tiền	111		10.854.041.315	13.167.411.070
2. Các khoản tương đương tiền	112		800.000.000	4.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	166.946.683.131	147.114.443.407
1. Phải thu khách hàng	131		150.788.816.734	140.822.626.209
2. Trả trước cho người bán	132		12.050.204.810	5.299.426.638
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		4.107.661.587	992.390.560
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	34.029.587.232	31.843.355.194
1. Hàng tồn kho	141		34.029.587.232	32.011.086.422
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			(167.731.228)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.344.799.491	7.746.241.362
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.947.083.594	2.819.822.502
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.337.890.206	1.238.569.208
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	3.059.825.691	3.687.849.652

(phần tiếp theo trang 5)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.391.648.257	41.434.890.168
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		40.729.787.082	38.560.500.674
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	12.143.040.510	15.447.617.251
+ Nguyên giá	222		23.507.262.493	25.622.548.759
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.364.221.983)	(10.174.931.508)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	2.238.198	11.555.837.632
+ Nguyên giá	228		1.120.662.330	12.651.231.530
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.118.424.132)	(1.095.393.898)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	28.584.508.374	11.557.045.791
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		400.000.000	1.626.027.833
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			1.226.027.833
3. Đầu tư dài hạn khác	258		400.000.000	400.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		261.861.175	1.248.361.661
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		62.712.375	1.049.806.161
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		199.148.800	198.555.500
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		263.366.759.426	245.806.341.201

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		169.908.420.520	185.016.283.000
I. Nợ ngắn hạn	310		169.908.420.520	185.016.283.000
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	64.375.517.686	97.115.922.941
2. Phải trả người bán	312	5.9	82.101.240.570	60.514.696.519
3. Người mua trả tiền trước	313	5.9	13.339.613.003	19.961.846.159
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	2.119.549.443	1.449.940.657
5. Phải trả người lao động	315	5.11	271.200.000	1.273.181.766
6. Chi phí phải trả	316	5.12	2.525.368.587	3.276.045.736
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	5.175.931.231	1.424.649.222
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.14.1	89.159.292.400	56.123.916.756
I. Vốn chủ sở hữu	410		89.159.292.400	56.123.916.756
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.14.2	80.000.000.000	43.198.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.123.900	7.960.553.900
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(330.000)	(330.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(101.006.412)	(991.369.527)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		349.878.228	349.878.228
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.260.076.573	1.075.056.573
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	5.14.6	7.649.550.111	4.532.087.582
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	5.15	4.299.046.506	4.666.141.445
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		263.366.759.426	245.806.341.201

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		175.000	648.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		455,37	1.080,22
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 30 tháng 3 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		283.840.587.155	325.173.194.944
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.453.301	16.086.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	283.837.133.854	325.157.108.944
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	226.513.164.061	266.069.073.419
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.323.969.793	59.088.035.525
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.566.172.778	1.422.345.505
7. Chi phí tài chính	22	6.4	13.647.887.624	9.399.454.129
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.651.821.033	6.586.667.775
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	12.410.590.771	13.038.492.180
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	26.327.807.042	34.111.920.236
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.503.857.134	3.960.514.485
11. Thu nhập khác	31	6.7	15.841.011.122	532.780.987
12. Chi phí khác	32	6.8	15.689.670.650	644.854.412
13. Lợi nhuận khác	40		151.340.472	(112.073.425)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50			2.027.833
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		6.655.197.606	3.850.468.893
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.9	1.506.966.313	683.475.098
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		5.148.231.293	3.166.993.795
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(323.369.855)	(533.408.729)
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	72		5.471.601.148	3.700.402.524
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80	5.14.5	1.008	773

Ngày 30 tháng 3 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		276.220.864.338	273.534.470.678
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(238.893.794.121)	(274.893.045.920)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.587.199.538)	(24.053.149.114)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.651.821.033)	(6.537.377.773)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(683.475.098)	(3.871.095.633)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.601.932.566	11.494.546.526
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.219.322.251)	(7.724.792.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		7.787.184.863	(32.050.443.958)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(25.296.311.313)	(3.848.597.294)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		15.424.991.460	50.035.439
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(95.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.747.720.000	9.538.950.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		743.215.179	819.875.375
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.475.384.674)	6.560.263.520
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		28.842.530.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		194.537.469.727	224.789.195.091
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(229.108.260.198)	(199.360.333.989)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.159.885.500)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.888.145.971)	25.428.861.102
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(2.576.345.782)	(61.319.336)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	14.230.387.097	17.728.730.406
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.1	11.654.041.315	17.667.411.070

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH

Ngày 30 tháng 3 năm 2011



TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là Công ty), tiền thân là Công ty TNHH Điện – Điện tử - Tin học Sao Bắc Đầu, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 12 năm 2010.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U12b-16a, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80 tỷ đồng.

Công ty có đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Thông tin Việt	208-210 Khánh Hội, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	98%	98%
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ mạng Việt Thành Công	Lô U12b-16a, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	67,2%	67,2%

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Thông tin Việt đã ngưng hoạt động từ tháng 10 năm 2010 và đang tiến hành thủ tục giải thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu và báo cáo tài chính các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý như sau:

- Đối với tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.
- Đối với các khoản nợ phải thu dài hạn bằng ngoại tệ: Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn bằng ngoại tệ:
 - + Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì Công ty được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.
 - + Trường hợp chênh lệch giảm thì được hạch toán vào thu nhập tài chính.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho tại Công ty mẹ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Giá trị hàng tồn kho tại các Công ty con được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	3 - 5 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5 năm
+ Phần mềm máy vi tính	3 năm

4.7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập theo điều lệ hoạt động của Công ty.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.12. Thuế

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.14. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này:

Kết quả hoạt động kinh doanh (trích)

	Năm trước (Phân loại lại)	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)
Chi phí bán hàng	13.038.492.180	14.449.808.824
Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.111.920.236	32.700.603.592
Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	773	926

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.295.971.743	5.162.546.876
Tiền gửi ngân hàng	9.558.069.572	7.999.880.113
Tiền đang chuyển	-	4.984.081
Các khoản tương đương tiền	800.000.000	4.500.000.000
Tổng cộng	11.654.041.315	17.667.411.070

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	150.788.816.734	140.822.626.209
Trả trước cho người bán	12.050.204.810	5.299.426.638
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
Các khoản phải thu khác	4.107.661.587	992.390.560
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	166.946.683.131	147.114.443.407
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	166.946.683.131	147.114.443.407

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Trả trước cho người bán bao gồm các khoản trả trước cho nhà cung cấp khi xây dựng Dự án Trung tâm tích hợp hệ thống tại Khu chế xuất Tân Thuận với số tiền là 7.587.250.663 đồng.

Phải thu khác chủ yếu là khoản phải thu về tạm ứng bảo lãnh dự thầu.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.685.683.163	442.733.501
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	518.536.185
Hàng hóa	31.343.904.069	31.049.816.736
Cộng giá gốc hàng tồn kho	34.029.587.232	32.011.086.422
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(167.731.228)
Giá trị thuần có thể thực hiện	34.029.587.232	31.843.355.194

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng công nhân viên	1.639.498.202	2.048.934.567
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.420.327.489	1.638.915.085
Tổng cộng	3.059.825.691	3.687.849.652

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.5 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quân lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.968.540.511	19.362.985.889	253.100.014	1.037.922.345	25.622.548.759
Mua trong năm	-	4.640.563.999	-	63.082.637	4.703.646.636
Thanh lý, nhượng bán	(4.968.540.511)	(998.929.129)	-	-	(5.967.469.640)
Giảm do ngừng hợp nhất kinh doanh	-	-	-	(851.463.262)	(851.463.262)
Số dư cuối năm	-	23.004.620.759	253.100.014	249.541.720	23.507.262.493
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.006.515.296	8.354.290.440	56.244.450	757.881.322	10.174.931.508
Khấu hao trong năm	86.505.643	3.669.223.382	67.493.337	74.862.647	3.898.085.009
Thanh lý, nhượng bán	(1.093.020.939)	(942.015.194)	-	-	(2.035.036.133)
Giảm do ngừng hợp nhất kinh doanh	-	-	-	(673.758.401)	(673.758.401)
Số dư cuối năm	-	11.081.498.628	123.737.787	158.985.568	11.364.221.983
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	3.962.025.215	11.008.695.449	196.855.564	280.041.023	15.447.617.251
Tại ngày cuối năm	-	11.923.122.131	129.362.227	90.556.152	12.143.040.510

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.147.875.531 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	11.516.569.200	1.134.662.330	12.651.231.530
Thanh lý, nhượng bán	(11.516.569.200)	-	(11.516.569.200)
Giảm do ngừng hợp nhất kinh doanh	-	(14.000.000)	(14.000.000)
Số dư cuối năm	-	1.120.662.330	1.120.662.330
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.095.393.898	1.095.393.898
Khấu hao trong năm	-	28.859.069	28.859.069
Giảm do ngừng hợp nhất kinh doanh	-	(5.828.835)	(5.828.835)
Số dư cuối năm	-	(1.118.424.132)	(1.118.424.132)
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	11.516.569.200	39.268.432	11.555.837.632
Tại ngày cuối năm	-	2.238.198	2.238.198

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.118.424.132 đồng.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Dự án Trung tâm tích hợp hệ thống tại Khu chế xuất Tân Thuận	26.827.879.460	10.841.382.842
- Tiền thuê đất	19.229.926.000	8.975.326.000
- Chi phí xây dựng	5.156.040.917	43.895.636
- Chi phí lãi vay	2.261.863.921	1.822.161.206
- Chi phí khác	180.048.622	-
Công trình Saigon Pearl	1.147.627.931	384.305.068
Công trình Orient Apartment	286.577.047	57.259.363
Công trình V-Star	163.571.160	163.571.160
Công trình A&B Tower	149.359.896	4.518.448
Khác	9.492.880	106.008.910
Tổng cộng	28.584.508.374	11.557.045.791

Toàn bộ giá trị công trình xây dựng trên đất của Dự án Trung tâm tích hợp hệ thống tại Khu chế xuất Tân Thuận được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng – xem thêm mục 5.8.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	63.375.517.686	86.093.909.941
Vay đối tượng khác	1.000.000.000	11.022.013.000
Tổng cộng	64.375.517.686	97.115.922.941

Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất từ 10,5%/năm đến 15,3%/năm đối với khoản vay bằng VND và từ 4,1%/năm đến 7,5%/năm đối với khoản vay bằng USD. Các khoản vay này được bảo đảm bằng thư bảo lãnh của các cổ đông của Công ty và được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng tại Khu Chế xuất Tân Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – xem thêm mục 5.7.
- Tín chấp quản lý nguồn thu phát sinh từ các hợp đồng ký giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu và một số nhóm khách hàng riêng biệt.
- Quyền sử dụng đất và tài sản của cá nhân gắn liền trên đất tại số 74/1A Hai Bà Trưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và số 34 Đặng Dung, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh (là tài sản của các cá nhân bảo lãnh).

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân bằng VND dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất 14,5%/năm.

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	82.101.240.570	60.514.696.519
Người mua trả tiền trước	13.339.613.003	19.961.846.159
Tổng cộng	95.440.853.573	80.476.542.678

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	338.340.569	279.767.856
Thuế xuất, nhập khẩu	91.895.463	158.823.392
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.502.119.231	700.070.274
Thuế thu nhập cá nhân	169.299.791	268.501.159
Thuế nhà thầu	17.894.389	36.386.733
Các loại thuế khác	-	6.391.243
Tổng cộng	2.119.549.443	1.449.940.657

5.11. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 13 năm 2010 còn phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.12. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thi công công trình	2.344.877.644	2.344.877.644
Chi phí khác	180.490.943	931.168.092
Tổng cộng	2.525.368.587	3.276.045.736

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí triển khai dự án	2.909.780.000	-
Kinh phí công đoàn	363.635.316	374.316.641
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	103.323.238	313.581.724
Tài sản thừa chờ xử lý	88.996.069	6.244.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.710.196.608	730.506.657
Tổng cộng	5.175.931.231	1.424.649.222

(Phần tiếp theo trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

Số dư đầu năm trước	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
37.563.790.000	7.960.553.900	-	-	-	525.710.169	7.323.165.095	53.729.319.897	
Tăng vốn trong năm trước	5.634.250.000	-	-	-	-	-	5.634.250.000	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	3.700.402.524	3.700.402.524	
Mua lại cổ phiếu	-	-	(330.000)	-	-	-	(330.000)	
Đánh giá số dư cuối kỳ có gốc ngoại tệ	-	-	-	(991.369.527)	-	-	(991.369.527)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.634.250.000)	(5.634.250.000)	
Trích lập quỹ	-	-	-	-	549.346.404	(549.346.404)	-	
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-	
Lãi/lỗ từ tăng lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	(6.222.505)	-	(307.365.553)	(313.588.058)
Khác	-	-	-	-	-	-	(518.080)	(518.080)
Số dư đầu năm nay	43.198.040.000	7.960.553.900	(330.000)	(991.369.527)	349.878.228	1.075.056.573	4.532.087.582	56.123.916.756
Tăng vốn trong năm nay	36.801.960.000	(7.959.430.000)	-	-	-	-	-	28.842.530.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	5.471.601.148	5.471.601.148
Mua lại cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.159.885.500)	(2.159.885.500)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	185.020.000	(185.020.000)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Đánh giá số dư cuối kỳ có gốc ngoại tệ	-	-	-	890.363.115	-	-	-	890.363.115
Khác	-	-	-	-	-	-	(9.233.119)	(9.233.119)
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	1.123.900	(330.000)	(101.006.412)	349.878.228	1.260.076.573	7.649.550.111	89.159.292.400



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của cổ đông sáng lập	25.322.760.000	21.880.630.000
Vốn góp của các cổ đông khác	54.677.240.000	21.317.410.000
Tổng cộng	80.000.000.000	43.198.040.000

5.14.3. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia trên cổ phiếu phổ thông	2.159.885.500	5.634.250.000

Cổ tức đã chia trong năm nay là cổ tức của năm 2009, được chia bằng tiền mặt theo tỉ lệ 5% vốn chủ sở hữu.

Ngoài ra, theo Quyết định số 04/2011/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 01 năm 2011, Công ty sẽ chia 5% cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt cho các cổ đông.

5.14.4. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	8.000.000	4.319.804
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.000.000	4.319.804
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	33	33
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	7.999.967	4.319.771
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.14.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước (Điều chỉnh hồi tố)
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	5.471.601.148	3.700.402.524
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	5.425.683	4.790.027
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.008	773

5.14.6. Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	4.532.087.582	7.323.165.095
Lợi nhuận sau thuế trong năm	5.471.601.148	3.700.402.524
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(185.020.000)	(549.346.404)
Chia cổ tức	(2.159.885.500)	(5.634.250.000)
Khác	(9.233.119)	(307.883.633)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	7.649.550.111	4.532.087.582

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	4.666.141.445	3.678.408.319
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	6.274.917	(641.246.014)
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	-	2.168.308.290
Vốn góp của cổ đông thiểu số giảm trong năm	(50.000.000)	(3.426.000.000)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	(323.369.855)	(533.408.729)
Phản trích quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	-	(5.384.860)
Cổ tức chi trả cho cổ đông thiểu số	-	(535.560)
Số dư cuối năm	4.299.046.506	4.666.141.445

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	261.255.200.007	287.339.587.895
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.585.387.148	37.833.607.049
Các khoản giảm trừ	(3.453.301)	(16.086.000)
Tổng cộng	283.837.133.854	325.157.108.944

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	214.703.871.063	242.447.308.378
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.809.292.998	23.621.765.041
Tổng cộng	226.513.164.061	266.069.073.419

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	800.925.489	861.419.914
Thu từ chuyển nhượng vốn	489.600.000	254.444.444
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	275.647.289	306.481.147
Tổng cộng	1.566.172.778	1.422.345.505

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.996.066.591	2.812.786.354
Chi phí lãi vay	6.651.821.033	6.586.667.775
Tổng cộng	13.647.887.624	9.399.454.129

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	4.843.653.739	5.845.597.042
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	219.187.419	224.322.647
Chi phí cộng tác viên	-	108.819.500
Chi phí khấu hao	1.305.654.763	1.245.940.113
Chi phí bảo hành	528.477.508	358.035.067
Chi phí quảng cáo tiếp thị	-	47.827.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.462.029.272	600.122.723
Chi phí Pre-sale	1.120.991.085	1.496.841.889
Chi phí bằng tiền khác	2.930.596.985	3.110.985.554
Tổng cộng	12.410.590.771	13.038.492.180

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	17.297.734.072	19.267.656.159
Chi phí công cụ quản lý	227.991.607	1.288.334.339
Chi phí đồ dùng văn phòng	179.243.192	207.977.128
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.891.984.846	2.602.875.418
Chi phí thuế, phí, lệ phí	53.575.514	386.635.076
Chi phí chuyển tiền	291.514.834	518.967.106
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.548.222.852	4.471.185.916
Chi phí bằng tiền khác	1.837.540.125	5.368.289.094
Tổng cộng	26.327.807.042	34.111.920.236

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định	15.424.718.730	45.702.686
Thu nhập khác	416.292.392	487.078.301
Tổng cộng	15.841.011.122	532.780.987

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý tài sản cố định	15.449.002.707	101.941.153
Chi phí khác	240.667.943	542.913.259
Tổng cộng	15.689.670.650	644.854.412

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	5.845.851.403	4.855.433.439
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	171.539.059	41.508.075
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(101.006.412)	(991.369.527)
Trừ thu nhập khác (từ chuyển nhượng bất động sản và lãi tiền gửi, tiền cho vay)	(378.118.800)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	5.538.265.250	3.905.571.987
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.384.566.313	976.392.997
Trừ thuế TNDN được miễn giảm theo Thông tư 03/2009- TT-BTC	-	(292.917.899)
Cộng khoản thuế từ thu nhập khác (chuyển nhượng bất động sản và lãi tiền gửi, tiền cho vay)	122.400.000	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	1.506.966.313	683.475.098

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN.

7. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý công ty con và công ty liên kết		
▪ Tổng giá trị thanh lý	8.118.600.000	2.038.950.000
▪ Giá trị thanh lý được thanh toán bằng tiền	6.747.720.000	9.538.950.000

8. Thông tin về các bên có liên quan

Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	735.096.000	715.684.606
Lương Tổng Giám đốc	454.848.800	451.260.120
Tổng cộng	1.189.944.800	1.166.944.726

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Tập đoàn đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất từ năm 2010 trở đi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 30 tháng 03 năm 2011.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH

